TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/DS-PT

Ngày 12 - 9 - 2018

V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Hồng

Các Thẩm phán: Ông Trương Thành Quang

Ông Hàng Lâm Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hòa Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2018/TLPT-DS ngày 13 tháng 7 năm 2018 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2018/QĐPT-DS ngày 29 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn L, sinh năm: 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Ông Trần Thanh V, sinh năm: 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Dương Tấn H, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

2. Bà Báo Thị Hồng K, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

3. Ông Trần T, sinh năm: 1950 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Phạm Văn L trình bày:

Ông là con đẻ của ông Phạm N. Năm 1986, ông N khai hoang được khoảng 05 sào gần đường tàu lửa ở thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đất Lê C (Lê T); Phía Tây giáp đường ray xe lửa (đường mòn); Phía Nam giáp đất ông Lê C; Phía Bắc giáp đường đi.

Năm 1990, ông N tặng cho ông khoảng 05 sào đất này. Việc tặng cho chỉ nói miệng, nhưng các anh chị em trong gia đình đều biết và đồng ý. Sau khi được cho đất, ông trồng mì, đậu xanh và khoai lang. Việc canh tác phụ thuộc vào nước trời nên có vụ làm có vụ không.

Năm 2007, chính quyền địa phương tổ chức đo đạc đất, nên ông có ký tên quy chủ đất. Do hạn hán kéo dài, nên ông bỏ hoang nhưng vẫn rào ranh giới diện tích đất.

Cuối năm 2016, ông phát hiện ông Trần Thanh V cho thuê đất làm trại bò trên đất của ông. Ông yêu cầu ông V tháo dỡ chuồng bò, trả lại đất cho ông nhưng ông V không đồng ý, vì cho rằng đây là đất của ông V. Ông làm đơn khiếu nại, Ủy ban nhân dân xã Q lập Biên bản hòa giải nhưng không thành.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Thanh V; vợ chồng ông Dương Tấn H bà Báo Thị Hồng K phải tháo dỡ nhà tạm và chuồng bò, trả lại cho ông diện tích đất nói trên.

- Bị đơn ông Trần Thanh V trình bày:

Ông là con đẻ của vợ chồng ông Trần T bà Trần Thị K.

Năm 1973, vợ chồng ông T bà K khai hoang được khoảng 02 ha đất ở thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Lê C (Lê T); Phía Tây giáp đất ông S; Phía Nam giáp đường đất; Phía Bắc giáp đường đất. Việc khai hoang không làm giấy tờ và cũng chưa được đo đạc, quy chủ sử dụng đất.

Năm 1998, vợ chồng ông T bà K lập giấy viết tay cho ông khoảng 02 sào đất. Việc tặng cho không có người chứng kiến, không công chứng, chứng thực. Giữa ranh giới đất còn lại của vợ chồng ông T bà K và diện tích đất cho ông có một con đường mòn nhỏ. Ông không canh tác đất, bỏ hoang từ đó đến nay, không ai tranh chấp.

Hiện nay, ông đang cho vợ chồng ông Dương Tấn H bà Báo Thị Hồng K mượn đất để làm nhà tạm và chuồng bò.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Dương Tấn H bà Báo Thị Hồng K trình bày: Diện tích đất vợ chồng ông bà đã làm nhà tạm và chuồng bò là của ông V cho mượn. Việc mượn đất chỉ nói miệng.

Khi vợ chồng ông bà làm chuồng bò, ông L có ngăn cản, nhưng vì không có nơi nào khác, nên vợ chồng ông vẫn ở tạm trên diện tích đất mượn của ông V.

Trường hợp Tòa án công nhận diện tích đất là của ông L và ông L có yêu cầu tháo dỡ nhà tạm, chuồng bò, vợ chồng ông đồng ý tháo dỡ và không có ý kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Ninh S, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

- Căn cứ Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 147, 157, 158 và Điều 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Tuyên xử:

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Phạm Văn L đòi lại diện tích đất 2.934 m^2 thửa số 367, tờ bản đồ số 79 ở H, Q, N, Ninh Thuận.

+ Không công nhận diện tích đất 2.934 m^2 thửa số 367, tờ bản đồ số 79 ở H, Q, N, Ninh Thuận cho ông Trần Thanh V.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận thực hiện chức năng quản lý đất đai theo thẩm quyền diện tích đất 2.934 m^2 thửa số 367, tờ bản đồ số 79 ở H, Q, N, Ninh Thuận.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10 tháng 6 năm 2018, Nguyên đơn ông Phạm Văn L kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 31/5/2018 của Toà án nhân dân huyện N; Buộc ông Trần Thanh V phải trả lại cho ông L diện tích đất lấn chiếm; Buộc ông Trần Thanh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn ông Phạm Văn L tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo của tôi; Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Buộc ông Trần Thanh V phải trả lại diện tích đất lấn chiếm cho ông L; Buộc ông Trần Thanh V phải chịu án phí

dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn ông Trần Thanh V tranh luận: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện cũng như nội dung kháng cáo của ông Phạm Văn L. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận diện tích đất 2.934 m^2 thửa số 367, tờ bản đồ số 79 ở H, Q, N, Ninh Thuận cho ông V.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, Thư ký Toà án và các Thẩm phán tham gia phiên toà đã chấp hành đúng các quy định về: Thụ lý xét xử phúc thẩm, chuẩn bị xét xử phúc thẩm, triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm theo quy định tại các Điều 285, 286, 294 Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Toà án cấp phúc thẩm thụ lý cho vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên toà hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 86, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của Nguyên đơn ông Phạm Văn L; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn, Bị đơn có mặt tại phiên tòa; Người có quyền lợi, nghĩa vụ vợ chồng ông Dương Tấn H bà Báo Thị Hồng K có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 294 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn ông Phạm Văn L không rút đơn khởi kiện; Không thay đổi, bổ sung, không rút một phần hoặc toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Qua các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung trình bày và kết quả tranh luận của các đương sự cho thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp quyền sử dụng đất" được quy định trong Bộ luật dân sự là có cơ sở và đúng pháp luật.

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo thứ nhất của ông Phạm Văn L có nội dung: Buộc ông Trần Thanh V phải trả lại diện tích đất cho ông Phạm Văn L; Buộc ông Trần Thanh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/6/2017 (BL 38), Biên bản hòa giải ngày 16/6/2017 (BL 39) và Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 31/5/2018(BL 97) Nguyên đơn ông Phạm Văn L trình bày: Nguồn gốc 2.934 m^2 đất thuộc Thửa số 367 tờ Bản đồ số 79 ở thôn H, Q, N, Ninh Thuận do cha mẹ ông L là ông Phạm N bà Nguyễn Thị C khai hoang năm 1986, tặng cho ông L năm 1990. Thửa đất có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Lê C; Phía Tây giáp đường ray xe lửa; Phía Nam giáp đất ông Lê C; Phía Bắc giáp đường đi.

- Tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/6/2017 (BL 38), Biên bản hòa giải ngày 16/6/2017 (BL 39) và Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 03/7/2017 (BL 45) Bị đơn ông Trần Thanh V trình bày: Nguồn gốc 2.934 m^2 đất thuộc Thửa số 367 tờ Bản đồ số 79 ở thôn H, Q, N, Ninh Thuận là do cha mẹ ông V khai hoang, cho ông V vào năm 1998. Thửa đất có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Lê Thành; Phía Tây giáp đường ray xe lửa; Phía Nam giáp đất ông Lê C; Phía Bắc giáp đường đi.

- Tại Biên bản thẩm định tài sản ngày 03/7/2017 (BL 43 - 44) thể hiện: Lô đất tranh chấp tại H, Q, Ninh Sơn; diện tích: 2.934 m^2; Vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Lê C (Lê T); Phía Tây giáp đường ray xe lửa cũ (nay là đường mòn nhỏ); Phía Nam giáp đất ông Lê C; Phía Bắc giáp đường đất.

- Tại Giấy giao đất nông nghiệp đề ngày 15/02/1998 do ông Trần Thanh V nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm (BL 36) có nội dung: "Tôi tên là Trần T, sinh năm 1950 hiện trú tại: H, Q, N, Ninh Thuận là cha của Trần Thanh V và bà Trần Thị K, sinh năm 1949 là mẹ. Gia đình tôi có khai hoang và phục hóa một số đất rẫy tại đồng Hạnh Tâm khoảng 20.000m^2 (2hecta) để phát triển nông nghiệp từ năm 1973. Nay gia đình tôi thấy con đã khôn lớn để làm kế sinh nhai nên gia đình tôi cho con tôi một số đất rẫy khoảng 2.000m^2 (2 sào) tại cánh Hồng Tâm. Vậy tôi viết giấy này để làm vi bằng để con tôi sau này kê khai và làm giấy chứng nhận ruộng đất dễ dàng hơn và để làm bằng chứng gia đình tôi không tranh chấp và khiếu nại". Phía dưới nội dung là Người làm giấy Trần T, Trần Thị K ký tên và có sơ đồ đất.

- Tại Bản tự khai đề ngày 22/5/2017 (BL 33), ông Trần Thanh V khai: Thửa đất tôi đang tranh chấp 2.000 m^2 có nguồn gốc do cha mẹ tôi khai hoang vào năm 1973. Năm 1998 cha tôi tặng cho 2.000 m^2 này (trong tổng số 02 ha

ban đầu) cho tôi. Diện tích còn lại cha tôi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 2.000 m^2 đất của tôi vẫn chưa được cấp sổ.

- Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 578105 ngày 25/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn (BL 51) thể hiện: Hộ bà Trần Thị K ông Trần T được quyền sử dụng 15.459,0 m^2; Địa chỉ thửa đất: Xã Q, huyện N, Ninh Thuận. Cụ thể: Tờ bản đồ số 79; Thửa đất số 100, diện tích: 191 m^2 (đất HNK); Thửa đất số 353, diện tích: 5.520 m^2 (đất HNK); Thửa đất số 354, diện tích: 4.293 m^2 (đất CLN); Thửa đất số 355, diện tích: 5.455 m^2 (đất CLN).

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2017 (BL 46), Người làm chứng ông Hoàng Văn C trình bày: Ông không có quan hệ thân thích gì với ông L và ông V. Ông sống ở khu này từ năm 2000. Khi ông đến đây ở, ông không thấy ai canh tác trên diện tích đất đó. Còn trước đó ông không biết.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2017 (BL 47), Người làm chứng ông Nguyễn K trình bày: Nguồn gốc đất hiện đang tranh chấp là của ông Phạm N canh tác từ khoảng năm 1985, đường đi có từ khi ông đến khai hoang cho đến nay. Từ năm 1985 đến nay đều một mình ông Phạm N canh tác, nhưng bỏ hoang hơn 04 năm nay; Còn trại bò trên đất tranh chấp là của nhiều người gom lại rồi thuê người chăn. Trại bò được làm khoảng 06 tháng nay do ông Trần Thanh V cho người cất để làm trang trại; trại bò này không phải là của ông Trần Thanh V. Diện tích đất tranh chấp ở H, Q có tứ cận: Đông giáp ông C (nay ông S đang giữ thuê); Tây giáp đường ray cũ (nay ông Phạm Quang T hay còn gọi là ông Th); Nam giáp ông C (nay ông S đang giữ thuê); Bắc giáp đường đất (đường mòn đi rẫy).

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2017 (BL 48), Người làm chứng bà Trương Thị D trình bày: Bà sống ở H từ năm 1982. Bà có đất canh tác gần với đất tranh chấp. Từ khi về H sống, bà thấy đất tranh chấp do ông Phạm N canh tác, đất có vị trí tứ cận: Đông giáp đất ông Lê C; Tây giáp đường; Nam giáp đất ông Đỗ Bá K; Bắc giáp đường. Ông N sử dụng ổn định không ai tranh chấp, sau khi ông N chết, ông L canh tác cho đến nay, có bỏ hoang vài lần vì mất mùa. Cuối năm 2016, khi ông L bỏ hoang ông V đến chiếm đất để xây chuồng bò. Ông V không có đất ở khu vực này, nhưng ông Trần T (cha ông V) có khoảng 4.000 m^2 đất gần đất đang tranh chấp.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2017 (BL 49), Người làm chứng ông Phạm Đình H trình bày: Ông sống tại H từ năm 1973, có canh tác gần đất tranh chấp. Lô đất tranh chấp ban đầu do ông Phạm N (cha ông L) khai hoang khoảng năm 1978 – 1979. Đất ông N ban đầu có vị trí tứ cận: Đông giáp đất ông Lê C; Tây giáp đường; Nam giáp đất ông Đỗ Bá K (đã chết); Bắc giáp đường. Khoảng năm 2000 ông N chết giao lại lô đất này cho con là ông Phạm Văn L sử dụng từ đó đến nay (đất có diện tích 2.000m^2). Có một thời gian vì mất mùa nên ông L bỏ hoang, sau đó một vài năm thì canh tác lại. Ông L bỏ hoang đất thời gian nào ông không nhớ. Khoảng cuối năm 2016 ông V đến lấn chiếm đất làm chuồng bò, thời điểm này ông L đang bỏ hoang đất. Trong thời gian canh tác

ông L cũng nhiều lần bỏ hoang vì mất mùa. Ông V không có đất ở khu vực này chỉ có cha ông V (ông Trần T) có 4.000 m^2 đất gần với đất tranh chấp.

- Tại Công văn số 78/UBND – ĐC ngày 08/8/2017 của Ủy ban nhân dân xã Q về việc cung cấp thông tin liên quan đến đất tranh chấp giữa ông Phạm Văn L và ông Trần Thanh V (BL 61) có nội dung: Thửa đất đang tranh chấp đã có quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, quy hoạch loại đất HNK (đất trồng cây hàng năm khác); Thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai, khu vực đất này nếu nguồn gốc rõ ràng không có tranh chấp hoặc có tranh chấp đất đai mà đã được giải quyết theo thẩm quyền quy định thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Không đủ điều kiện chuyển mục đích vì chuyển mục đích phải phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt; Không có ai đăng ký thửa đất, làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình sử dụng đất không có ai làm đơn xin khai hoang, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất đang tranh chấp; Năm 2007 đo đạc bản đồ địa chính quy chủ tên ông Trần C.

- Tại Biên bản xác minh ngày 11/9/2017 (BL 63a) Người làm chứng ông Lê T trình bày: Nguồn gốc diện tích đất hiện nay ông Lê C (là em ông T) đang canh tác đã giao cho anh em trong nhà làm. Ông Lê C đã đi định cư ở Mỹ. Ngoài diện tích đất gia đình canh tác, ông Lê C không còn diện tích đất nào khác ở khu vực H đang tranh chấp. Diện tích đất ông Lê C giao cho ông Lê T và ông Lê T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tại Biên bản xác minh ngày 11/9/2017 (BL 63b), Người làm chứng ông Lê X trình bày: Năm 1984 ông có sang nhượng cho ông Lê C (ở T 1, Q) thửa đất khu vực H với diện tích khoảng 02 sào. Hiện nay, ông Lê C đã định cư ở Mỹ, diện tích đất ở khu vực này đa số là bỏ hoang, sau này mới có người canh tác…

- Tại Biên bản xác minh ngày 11/9/2017 do Tòa án nhân dân huyện N lập (BL 64), Người làm chứng ông Phạm Quang T trình bày: Từ năm 1974 đến nay, ông có khai hoang đất ở khu vực H, gần đất ông L và ông V đang tranh chấp. Diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của ông Phạm N (cha ông Phạm Văn L) cho ông L. Ông Lê C cũng có đất sát bên đất tranh chấp và ông C đã định cư tại Mỹ; khu vực đất ở H không có ai tên Trần C, còn sau này ai canh tác như thế nào thì ông không biết…

- Tại Biên bản xác minh ngày 26/4/2018 (BL 80) có nội dung: Theo Bản đồ địa chính xã Q tại Thửa đất số 156 tờ Bản đồ số 79 quy chủ ông Trần C vào năm 2007. Còn ông Phạm Văn L năm 2007 được quy chủ Thửa đất số 181 tờ Bản đồ số 79 ở H, Q, N, Ninh Thuận, nhưng thực tế ở khu vực này không có ai tên Trần C có diện tích đất như thể hiện trên bản đồ địa chính của xã Q, mà chỉ có ông Lê C đã cho Lê T canh tác, ông Lê C đã đi định cư ở nước ngoài. Diện tích đang tranh chấp giữa ông L và ông V theo Biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã Q chỉ thể hiện ông L có ký nhận đất tại thời điểm đo đạc năm 2007, chứ không quy chủ đất cho ông L.

- Tại Biên bản xác minh ngày 05/9/2018 (BL 127), Cán bộ địa chính xã Q cho biết: Tại Sổ mục kê năm 2008 do Ủy ban nhân dân xã Q đang lưu giữ, Thửa

đất số 367 tờ Bản đồ số 79 thôn H, xã Q quy chủ ông Trần C tên đúng là Lê C (ông Lê C đã xuất cảnh sang Hoa Kỳ). Hiện nay, thửa đất này do ông Trần Thanh V cho một người khác dựng chuồng bò để nuôi bò trên thửa đất. Thửa đất số 367 tờ bản số 79 thôn H, xã Q tuy quy chủ ông Trần C (tên đúng là Lê C) trong Sổ mục kê nhưng không thuộc quyền sử dụng của ông Lê C. Ông Lê C đứng tên quyền sử dụng thửa đất số 146 liền kề với Thửa đất 367. Trước khi xuất cảnh sang Hoa Kỳ, ông Lê C đã giao Thửa đất số 146 cho em ông C là ông Lê T quản lý.

Với các tài liệu chứng cứ nói trên; Đủ cơ sở xác định 2.934 m^2 đất thuộc Thửa số 367 tờ Bản đồ số 79 ở H, Q, N, Ninh Thuận không phải là đất thuộc quyền sử dụng của ông Phạm Văn L, cũng không phải là đất thuộc quyền sử dụng của ông Trần Thanh V. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Phạm Văn L; Không công nhận diện tích đất 2.934 m^2 Thửa số 367, tờ bản đồ số 79 ở H, Q, N, Ninh Thuận là của ông Trần Thanh V là có cơ sở và đúng pháp luật. Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Phạm Văn L không được chấp nhận nên Tòa án buộc ông Phạm Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là đúng quy định tại Điều 165 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Phạm Văn L.

[2.3] Xét yêu cầu kháng cáo thứ hai của ông Phạm Văn L có nội dung: Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 31/5/2018 của Toà án nhân dân huyện N.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm; Việc thu thập chứng cứ và chứng minh đã được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đầy đủ và theo đúng quy định tại chương VII của Bộ luật tố tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Không có vi phạm khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Vì vậy, không chấp nhận nội dung kháng cáo thứ hai của ông Phạm Văn L.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của Nguyên đơn ông Phạm Văn L; Chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những căn cứ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- **Tuyên xử:** Không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn ông Phạm Văn L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- **Áp dụng:** Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 147, 157, 158 và Điều 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- **Tuyên xử:**

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Phạm Văn L về việc: Yêu cầu ông Trần Thanh V phải trả lại cho ông Phạm Văn L 2.934 m^2 đất thuộc Thửa số 367, tờ Bản đồ số 79 ở thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Không công nhận 2.934 m^2 đất thuộc Thửa số 367, tờ Bản đồ số 79 ở thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận thuộc quyền sử dụng của ông Trần Thanh V.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận thực hiện chức năng quản lý đất đai theo thẩm quyền đối với 2.934 m^2 đất thuộc Thửa số 367, tờ Bản đồ số 79 ở thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Về chi phí định giá tài sản tại Tòa án cấp sơ thẩm:

Ông Phạm Văn L phải chịu 3.000.000 đồng chi phí định giá tài sản. Ông Phạm Văn L đã nộp đủ 3.000.000 đồng này.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0012380 ngày 03/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phạm Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm (do Nguyễn Thị Thanh H nộp thay), theo Biên lai thu tiền số 0013556 ngày 21/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

(*Kèm theo bản án là Trích lục và Chỉnh lý bản đồ địa chính ngày 13/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh Ninh Sơn*).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND huyện N;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Phòng HC – TP;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Hồng